

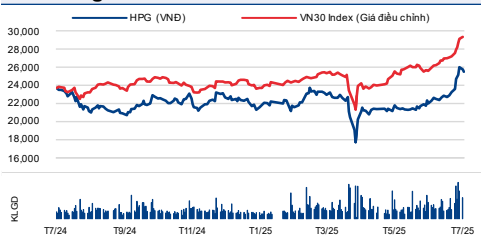
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ30,417
Tiềm năng tăng/giảm: 19.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/7/2025)	25,500
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,749-26,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	25,750
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	195,725
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,488
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,676
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,134
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,715
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	22.2%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	138,855	164,783	203,803
EBITDA đc (tỷ đồng)	21,588	29,603	37,430
LNTT (tỷ đồng)	13,693	18,652	23,502
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,419	16,124	20,540
FCF (tỷ đồng)	(28,452)	(614)	3,996
EPS ĐC (đồng)	1,488	2,101	2,676
DPS (đồng)	417	833	833
BVPS (đồng)	14,899	16,583	18,425
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	37.1	26.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	59.9	41.2	27.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	100	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	18.0	18.4
Tỷ suất LNTTT (%)	9.86	11.3	11.5
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.66	10.3	10.6
Tỷ lệ LN trả CT (%)	26.6	37.7	29.6
Nợ thuần/VCSH (%)	67.2	57.9	50.7
ROAE (%)	11.1	14.0	16.1
ROACE (%)	11.0	13.3	15.9
EV/doanh thu (lần)	1.82	1.53	1.21
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.7	8.52	6.58
P/E ĐC (lần)	17.1	12.1	9.53
P/B (lần)	1.71	1.54	1.38
Lợi suất cổ tức (%)	1.63	3.27	3.27

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q2/2025: Lợi nhuận thuần tăng 30% so với cùng kỳ; vững chắc và sát với dự báo

- HPG vừa công bố KQKD sơ bộ Q2/2025, cho thấy lợi nhuận đạt 4.300 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 28% so với quý trước), sát với dự báo của HSC ở mức 4.350 tỷ đồng. Với kết quả trên, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2025 đạt 7.650 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ và hoàn thành 45% dự báo của HSC cho cả năm.
- Mặc dù doanh thu giảm 9% so với cùng kỳ và giảm 4% so với quý trước, đà tăng trưởng tích cực của lợi nhuận thuần chủ yếu được thúc đẩy bởi sự cải thiện đáng kể của tỷ suất lợi nhuận thuần, lên 11,9% trong Q2/2025 (Q2/2024: 8,4%; Q1/2025: 8,9%). Tỷ suất lợi nhuận thuần mở rộng nhờ quy mô sản xuất cải thiện, cơ cấu sản phẩm tốt hơn, tập trung hơn thị trường nội địa và kiểm soát chi phí hiệu quả.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 16% trong 1 tháng qua, HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,7 lần, thấp hơn so với bình quân 5 năm ở mức 11,9 lần. Với việc giá cổ phiếu tăng tốt trong thời gian gần đây, chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị/giá mục tiêu của HPG.

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q2/2025

Ngày 16/7/2025, HPG công bố KQKD sơ bộ Q2/2025, cho thấy lợi nhuận thuần đạt 4.300 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 28% so với quý trước), sát với dự báo của HSC ở mức 4.350 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

Doanh thu Q2/2025 giảm 9% so với cùng kỳ do giá bán bình quân thấp...

Như đã đề cập trong báo cáo trước đây, [HPG đã bán hơn 2,9 triệu tấn thép trong Q2/2025, tăng 16,2% so với cùng kỳ và tăng 9,6% so với quý trước](#), nhờ sản lượng tiêu thụ HRC tăng 62% so với cùng kỳ và tăng 18% so với quý trước. Sản lượng tiêu thụ tăng mạnh phần nào bù đắp cho sự sụt giảm của giá bán bình quân trong giai đoạn này, theo xu hướng toàn cầu. Theo đó, HSC dự báo giá bán bình quân thép xây dựng Q2/2025 là 13.755đ/kg (giảm 2,9% so với cùng kỳ nhưng tăng 1,1% so với quý trước) và giá bán bình quân của HRC là 516 USD/tấn (giảm 12,3% so với cùng kỳ và giảm 1,1% so với quý trước).

Điều này cho thấy, doanh thu Q2/2025 giảm 9% so với cùng kỳ và giảm 4% so với quý trước, xuống còn 36 nghìn tỷ đồng, đẩy doanh thu thuần 6 tháng đầu năm 2025 lên 73.622 tỷ đồng, tăng 4,6% so với cùng kỳ và hoàn thành 44,7% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi ở mức 164.783 tỷ đồng..

...nhưng tỷ suất lợi nhuận cải thiện thúc đẩy tăng trưởng cao ở lợi nhuận thuần

Mặc dù giá bán bình quân thấp trong Q2/2025 như đã thảo luận ở phần trên, chi phí đầu vào thậm chí giảm mạnh hơn. Ví dụ, giá than cốc giảm 28,2% so với cùng kỳ và giảm 1,6% so với quý trước, đạt bình quân 187 USD/tấn.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 16/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ Q2/2025, HPG

Tăng mạnh, sát với dự báo của HSC, LNST tăng 30% so với cùng kỳ và 28% so với quý trước lên 4,3 nghìn tỷ đồng

Tỷ đồng)	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T25	So với cùng kỳ	2025F	% hoàn thành dự báo HSC
Doanh thu thuần	36,000	-9.0%	-4.3%	73,622	4.6%	164,783	44.7%
LNST	4,300	29.5%	28.4%	7,650	23.6%	16,972	45.1%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	11.9%	+3.5 ppts	+3.0 ppts	10.4%	+1.6 ppts	10.3%	

Nguồn: HPG, HSC

Trong khi đó, giá quặng sắt giảm 13,9% so với cùng kỳ và giảm 4,2% so với quý trước, đạt bình quân 97 USD/tấn (Bảng 2). Những yếu tố trên đã tích cực hỗ trợ HPG mở rộng tỷ suất lợi nhuận thuần trong giai đoạn này, bên cạnh cơ cấu sản phẩm tốt hơn (tập trung nhiều hơn vào thị trường trong nước) và nâng cao quy mô sản xuất. Theo đó, tỷ suất lợi nhuận thuần Q2/2025 mở rộng lên 11,9%, cao hơn so với 8,4% trong Q2/2024 và 8,9% trong Q1/2025.

Nhờ các yếu tố trên, HPG công bố lợi nhuận thuần Q2/2025 vững chắc ở mức 4.300 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ và tăng 28% so với quý trước), sát với dự báo của HSC ở mức 4.350 tỷ đồng. Theo đó, lợi nhuận thuần nửa đầu năm 2025 đạt 7.650 tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ và hoàn thành 45,1% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi ở mức 16.972 tỷ đồng, tăng trưởng 41%.

Mảng nông nghiệp nổi trội nhất trong các mảng kinh doanh của HPG

Theo HPG, mảng nông nghiệp ghi nhận KQKD ấn tượng nhất, với doanh thu và lợi nhuận thuần tăng 38% so với cùng kỳ và 130% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2025. Theo đó, doanh thu của mảng nông nghiệp trong Q2/2025 đạt khoảng 2.234 tỷ đồng (tăng 45% so với cùng kỳ và tăng 13% so với quý trước) và lợi nhuận thuần trong quý đạt 532 tỷ đồng (tăng 135,8% so với cùng kỳ và tăng 30,7% so với quý trước). Kết quả trên dẫn đến tỷ lệ đóng góp của mảng nông nghiệp vào doanh thu/lợi nhuận thuần lần lượt ở mức 6,2%/12,4%, cao hơn so với mức 3,9%/6,8% trong Q2/2024 (Bảng 3-4).

Cập nhật tình hình mở rộng công suất

HPG chuẩn bị vận hành lò cao thứ hai tại Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất (DQSC) giai đoạn 2 vào tháng 9 năm nay, sớm hơn so với kế hoạch ban đầu là vào Q4/2025. Khi vận hành hết công suất, công suất sản xuất thép thô của HPG sẽ đạt 16 triệu tấn/năm, trong đó 9 triệu tấn công suất/năm được dành cho hoạt động sản xuất thép HRC. Với việc mở rộng công suất, HPG tự tin có thể đáp ứng tốt nhu cầu HRC trong nước trong thời gian tới.

Ngoài ra, vào ngày 19/8/2025, HPG sẽ khởi công xây dựng nhà máy sản xuất thép chất lượng cao. Nhà máy này sẽ sản xuất thép làm đường ray, dự kiến được sử dụng cho dự án đường sắt cao tốc Bắc-Nam và các dự án đường sắt đô thị khác trong nước.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Do KQKD Q2/2025 sát với dự báo, HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2025 ở mức 17 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 41% trên doanh thu thuần 165 tỷ đồng, tăng trưởng 19%.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 16% trong 1 tháng qua, HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 10,7 lần, thấp hơn so với bình quân 5 năm ở mức 11,9 lần. Sau khi giá cổ phiếu tăng giá tốt trong thời gian gần đây, chúng tôi xem xét lại khuyến nghị/giá mục tiêu.

Bảng 2: Tương quan giá bán bình quân và chi phí đầu vào, HPG

Giá bán bình quân giảm trong Q2/2025, trong khi chi phí đầu vào giảm nhanh hơn tốc độ giảm của giá bán bình quân

	Q2/24	Q1/25	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước
Thép xây dựng (đồng/kg)	14,171	13,602	13,755	-2.9%	1.1%
HRC (USD/tấn)	589	522	516	-12.3%	-1.1%
Than cốc (USD/tấn)	260	190	187	-28.2%	-1.6%
Quặng sắt (USD/tấn)	113	102	97	-13.9%	-4.2%

Nguồn: HSC

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu theo mảng kinh doanh, HPG

Mảng nông nghiệp và BĐS/KCN tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ và so với quý trước, ngoại trừ mảng thép, do giá bán bình quân giảm trong Q2

Tỷ đồng)	Q2/24	Q1/25	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T24	6T25	So với cùng kỳ
Thép (*)	37,879	35,433	33,036	-12.8%	-6.8%	66,516	68,468	2.9%
Nông nghiệp	1,542	1,987	2,234	44.9%	12.5%	3,059	4,221	38.0%
BĐS và KCN (*)	134	202	730	444.6%	261.2%	833	932	11.9%
Doanh thu thuần	39,556	37,622	36,000	-9.0%	-4.3%	70,408	73,622	4.6%

Ghi chú (*): HSC ước tính
Nguồn: HPG, HSC

Bảng 4: Cơ cấu lợi nhuận thuần theo mảng kinh doanh, HPG

Mảng nông nghiệp có kết quả tích cực, bên cạnh là mảng thép và BĐS/KCN cũng ghi nhận lợi nhuận khả quan

Tỷ đồng)	Q2/24	Q1/25	Q2/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T24	6T25	So với cùng kỳ
Thép (*)	3,032	2,832	3,668	21.0%	29.5%	5,445	6,501	19.4%
Nông nghiệp	225	407	532	135.8%	30.7%	408	938	130.0%
BĐS và KCN (*)	62	110	100	60.8%	-9.5%	335	210	-37.2%
Lợi nhuận thuần	3,320	3,350	4,300	29.5%	28.4%	6,189	7,650	23.6%

Ghi chú (*): HSC ước tính
Nguồn: HPG, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,953	138,855	164,783	203,803	236,373
Lợi nhuận gộp	12,938	18,498	26,014	32,886	39,776
Chi phí BH&QL	(3,269)	(3,883)	(4,960)	(6,134)	(7,115)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,669	14,615	21,054	26,752	32,661
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,435)	(3,291)	(449)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	142	426	33.0	40.8	47.3
LN TT	7,793	13,693	18,652	23,502	32,260
Chi phí thuế TNDN	(992)	(1,673)	(1,679)	(1,880)	(2,258)
Lợi ích cổ đông thiểu số	34.7	(0.42)	(0.60)	(0.76)	(1.05)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,835	12,020	16,972	21,621	30,000
Lợi nhuận thuần ĐC	6,493	11,419	16,124	20,540	28,500
EBITDA ĐC	16,431	21,588	29,603	37,430	43,664
EPS (đồng)	980	1,566	2,211	2,817	3,909
EPS ĐC (đồng)	931	1,488	2,101	2,676	3,713
DPS (đồng)	0	417	833	833	833
Slg CP bình quân (triệu đv)	6,978	7,676	7,676	7,676	7,676
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	6,978	7,676	7,676	7,676	7,676
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,978	7,676	7,676	7,676	7,676

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	12,252	6,888	20,093	9,642	18,946
Đầu tư ngắn hạn	22,177	18,975	16,478	20,380	28,365
Phải thu khách hàng	10,702	7,622	14,830	20,380	26,001
Hàng tồn kho	34,504	46,521	48,611	61,141	70,912
Các tài sản ngắn hạn khác	3,081	7,073	8,239	10,190	14,182
Tổng tài sản ngắn hạn	82,716	87,079	108,252	121,734	158,406
TSCĐ hữu hình	97,886	130,994	133,707	125,349	115,574
TSCĐ vô hình	211	184	203	223	245
Bất động sản đầu tư	594	560	530	496	460
Đầu tư dài hạn	40.0	137	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6,335	5,537	6,293	7,763	8,991
Tổng tài sản dài hạn	105,066	137,411	140,731	133,832	125,270
Tổng cộng tài sản	187,783	224,490	248,984	255,566	283,676
Nợ ngắn hạn	54,982	55,883	57,674	61,141	66,184
Phải trả người bán	12,387	14,110	16,478	20,380	23,637
Nợ ngắn hạn khác	2,457	3,029	3,114	3,475	3,794
Tổng nợ ngắn hạn	71,513	75,503	80,211	88,639	97,841
Nợ dài hạn	10,399	27,080	35,179	19,189	15,991
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30.0	29.3	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,948	7,162	6,019	6,021	6,022
Tổng nợ dài hạn	13,378	34,271	41,199	25,209	22,013
Tổng nợ phải trả	84,946	109,842	121,410	113,848	119,853
Vốn chủ sở hữu	102,771	114,355	127,280	141,424	163,528
Lợi ích cổ đông thiểu số	65.8	293	293	294	295
Tổng vốn chủ sở hữu	102,836	114,647	127,574	141,718	163,823
Tổng nợ phải trả và VCSH	187,783	224,490	248,984	255,566	283,676
BVPS (đ)	14,728	14,899	16,583	18,425	21,305
Nợ thuần*/(tiền mặt)	53,129	76,075	72,760	70,687	63,229

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,669	14,615	21,054	26,752	32,661
Khấu hao	(6,762)	(6,973)	(8,549)	(10,679)	(11,003)
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,435)	(3,291)	(449)
Thuế TNDN đã nộp	(560)	(937)	(1,679)	(1,880)	(2,258)
Thay đổi vốn lưu động	(6,218)	(13,845)	(16,910)	(28,883)	(25,683)
Khác	(4,595)	(2,067)	(3,422)	(4,289)	(3,971)
LCT thuần từ HĐKD	8,643	7,027	10,636	6,305	15,376
Đầu tư TS dài hạn	(17,374)	(35,479)	(11,250)	(2,309)	(1,213)
Góp vốn & đầu tư	(37,581)	(27,817)	2,468	(3,941)	(8,017)
Thanh lý	42,960	33,152	519	675	597
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(11,995)	(30,143)	(8,263)	(5,575)	(8,633)
Cổ tức trả cho CSH	(8.01)	(4.97)	(3,198)	(6,396)	(6,396)
Thu từ phát hành CP	(1.64)	233	0	0	0
Tăng/giảm nợ	7,285	17,524	14,031	(4,785)	8,957
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,276	17,752	10,833	(11,181)	2,561
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,325	12,252	6,888	20,093	9,642
LCT thuần trong kỳ	3,924	(5,365)	13,206	(10,451)	9,304
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.86	0.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12,252	6,888	20,093	9,642	18,946
Dòng tiền tự do	(8,731)	(28,452)	(614)	3,996	14,162

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	13.3	15.8	16.1	16.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	18.0	18.4	18.5
Tỷ suất LNT (%)	5.75	8.66	10.3	10.6	12.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.7	12.2	9.00	8.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.9)	16.7	18.7	23.7	16.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.4)	31.4	37.1	26.4	16.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(19.4)	75.9	41.2	27.4	38.8
Tăng trưởng EPS (%)	(19.4)	59.9	41.2	27.4	38.8
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	59.9	41.2	27.4	38.8
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	100	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	26.6	37.7	29.6	21.3
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.88	11.1	14.0	16.1	19.7
ROACE (%)	8.62	11.0	13.3	15.9	18.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.66	0.67	0.70	0.81	0.88
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.48	0.51	0.24	0.47
Số ngày tồn kho	119	141	128	131	132
Số ngày phải thu	36.8	23.1	39.0	43.5	48.3
Số ngày phải trả	42.6	42.8	43.3	43.5	43.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.4	67.2	57.9	50.7	39.4
Nợ/tài sản (%)	35.2	37.3	37.6	31.9	29.4
EBIT/lãi vay (lần)	4.79	10.8	8.65	8.13	72.8
Nợ/EBITDA (lần)	4.02	3.88	3.17	2.18	1.91
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.16	1.15	1.35	1.37	1.62
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.76	1.82	1.53	1.21	0.98
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.7	11.7	8.52	6.58	5.29
P/E (lần)	26.0	16.3	11.5	9.05	6.52
P/E ĐC (lần)	27.4	17.1	12.1	9.53	6.87
P/B (lần)	1.73	1.71	1.54	1.38	1.20
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.63	3.27	3.27	3.27

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn